



Ipard

AGRO@NFO

NĂM 2024

# LÚA GẠO





## MỤC LỤC

<b>I. DIỄN BIẾN CUNG – CẦU LÚA GẠO .....</b>	<b>4</b>
1.1. Bối cảnh cung cầu lúa gạo quốc tế .....	4
1.1.1. Sản xuất .....	4
1.1.2. Tiêu thụ .....	5
1.2. Tình hình sản xuất, tiêu thụ lúa gạo Việt Nam .....	6
1.2.1. Sản xuất .....	6
1.2.2. Tiêu thụ .....	7
1.3. Diễn biến giá cả lúa gạo thế giới .....	8
<b>II. THƯƠNG MẠI LÚA GẠO .....</b>	<b>10</b>
2.1. Bối cảnh thương mại gạo thế giới .....	10
2.1.1. Xuất khẩu .....	10
2.1.2. Nhập khẩu .....	11
2.2. Diễn biến xuất khẩu gạo Việt Nam .....	13
2.3. Diễn biến giá cả lúa gạo Việt Nam .....	14
2.3.1. Diễn biến giá xuất khẩu .....	14
2.3.2. Diễn biến giá gạo trong nước .....	14
2.4. Doanh nghiệp xuất khẩu gạo .....	15
<b>III. MỘT SỐ CHÍNH SÁCH CÓ TÁC ĐỘNG ĐẾN NGÀNH GẠO TRONG NĂM 2024 .....</b>	<b>17</b>
3.1. Quốc tế .....	17
3.1.1. Ấn Độ .....	17
3.1.2. Philippines .....	17
3.1.3. Pakistan .....	17
3.1.4. Sri Lanka .....	18
3.1.5. Thái Lan .....	18



3.2. Trong nước.....	18
3.2.1. Nghị định quy định chi tiết về đất trồng lúa.....	18
3.2.2. Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.....	19
3.2.3. Chỉ thị về việc đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu lúa, gạo bền vững, minh bạch, hiệu quả trong tình hình mới.....	20
<b>IV. TRIỂN VỌNG NGÀNH LÚA GẠO .....</b>	<b>25</b>
4.1. Tình hình sản xuất và xuất khẩu của thế giới .....	25
4.2. Tình hình sản xuất và xuất khẩu của Việt Nam.....	26
4.3. Dự báo tình hình giá gạo năm 2025.....	27



## DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Sản lượng gạo thế giới, 2014/2015 – 2023/2024.....	4
Hình 2: Tỷ lệ sản lượng của 10 quốc gia sản xuất nhiều gạo nhất thế giới, 2023/2024.....	5
Hình 3: Tiêu thụ gạo thế giới, 2014/2015 – 2023/2024.....	5
Hình 4: Tỷ lệ sản lượng của 10 quốc gia tiêu thụ nhiều gạo nhất thế giới, 2023/2024.....	6
Hình 5: Tổng diện tích canh tác lúa cả nước trong cả năm, giai đoạn 2014 – 2024.....	7
Hình 6: Năng suất và sản lượng lúa Việt Nam, 2014 – 2024.....	7
Hình 7: Tiêu dùng và tồn kho gạo của Việt Nam, 2014/2015 – 2023/2024.....	8
Hình 8: Giá gạo 5% tấm của Việt Nam, Thái Lan và Ấn Độ theo tuần, 2023 – 2024.....	9
Hình 9: Khối lượng xuất khẩu của 8 quốc gia xuất khẩu gạo nhiều nhất thế giới, 2022/2023 – 2023/2024.....	10
Hình 10: Xu hướng của 3 quốc gia xuất khẩu nhiều gạo nhất thế giới, 2014/2015 – 2023/2024.....	11
Hình 11: Khối lượng nhập khẩu của 8 quốc gia nhập khẩu gạo nhiều nhất thế giới, 2022/2023 – 2023/2024.....	12
Hình 12: Xu hướng của 3 thị trường nhập khẩu nhiều gạo nhất thế giới, 2014/2015 – 2023/2024.....	12
Hình 13: Lượng và kim ngạch xuất khẩu gạo Việt Nam, 2012 – 2024.....	13
Hình 14: Giá gạo xuất khẩu trung bình hàng năm của Việt Nam, 2012 – 2024.....	14
Hình 15: Giá lúa trung bình tại ĐBSCL theo tuần, 2023 – 2024.....	15
Hình 16: Dự báo sản lượng gạo toàn cầu từ 2014 đến 2030.....	25
Hình 17: Dự báo tiêu thụ gạo toàn cầu từ 2014 đến 2030.....	26
Hình 18: Dự báo giá gạo thế giới từ 2014 đến 2030.....	27



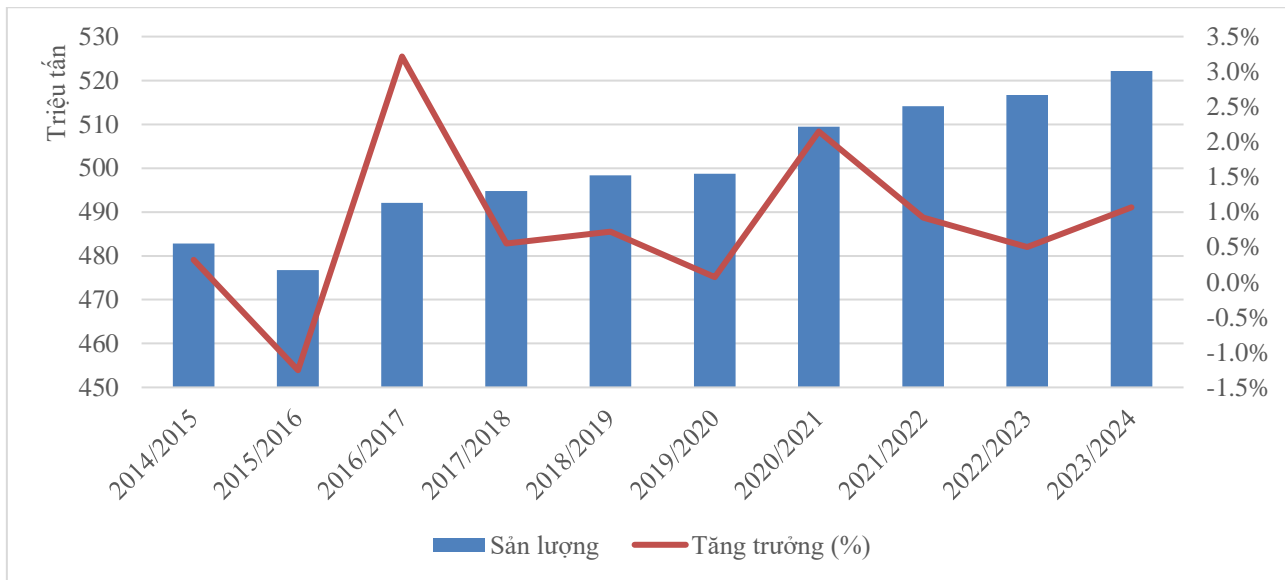
## I. Diễn biến cung – cầu lúa gạo

### 1.1. Bối cảnh cung cầu lúa gạo quốc tế

#### 1.1.1. Sản xuất

Theo số liệu thống kê USDA, sản xuất gạo trên toàn thế giới vẫn tăng trưởng đều trong vòng 10 năm trở lại đây, với tốc độ tăng trưởng bình quân năm đạt mức 0,8%/năm. Sản lượng niên vụ 2023/2024 ở mức 522,2 triệu tấn, tăng 1,1% so với mức 516,7 triệu tấn của niên vụ 2022/2023.

Hình 1: Sản lượng gạo thế giới, 2014/2015 – 2023/2024



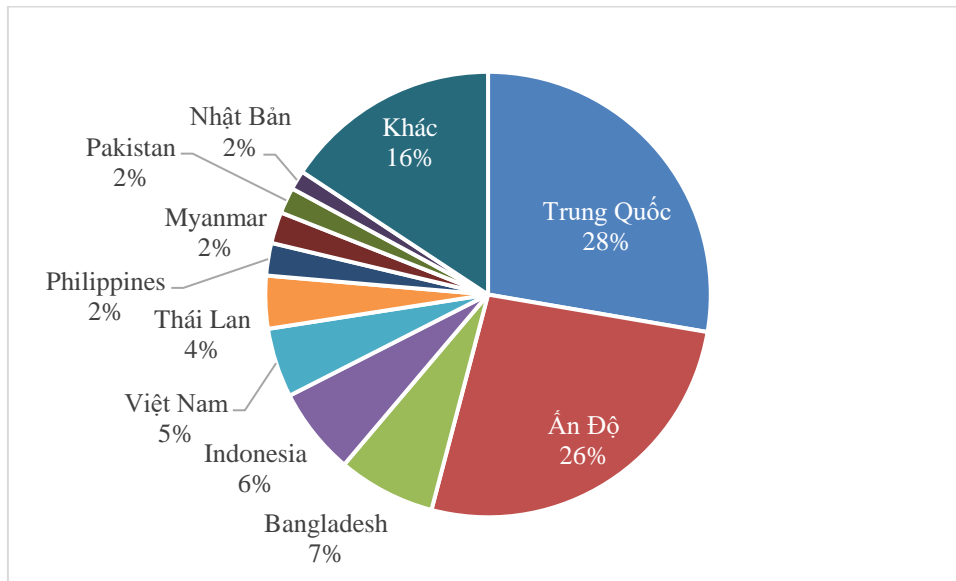
Nguồn: USDA, 2024

Trong đó, 10 quốc gia có sản lượng gạo lớn nhất bao gồm: Trung Quốc, Ấn Độ, Bangladesh, Indonesia, Việt Nam, Thái Lan, Philippines, Myanmar, Pakistan và Nhật Bản. Trong tất cả các quốc gia, Pakistan có tốc độ tăng trưởng sản lượng cao nhất trong kỳ 2014/2015 – 2023/2024 với 4,7%/năm, tiếp đến là Ấn Độ với 2,6%/năm và Bangladesh với 0,8%/năm. Trong khi đó, Nhật Bản giảm tăng trưởng khoảng 1,1%/năm, Indonesia giảm 0,9%/năm, và Việt Nam giảm 0,7%/năm.

Tổng sản lượng gạo của 10 quốc gia đứng đầu này chiếm đến 84,3% tổng sản lượng gạo (đã xay xát) của toàn thế giới, đứng đầu là Trung Quốc với 144,6 triệu tấn (chiếm 27,7% tổng sản lượng gạo của thế giới), Ấn Độ với 137,8 triệu tấn (26,4%); tiếp đó, Bangladesh, Indonesia, Việt Nam có sản lượng lần lượt là 37,0 triệu tấn (7,1%), 33,0 triệu tấn (6,3%) và 26,3 triệu tấn (5,0%).



**Hình 2: Tỷ lệ sản lượng của 10 quốc gia sản xuất nhiều gạo nhất thế giới, 2023/2024**

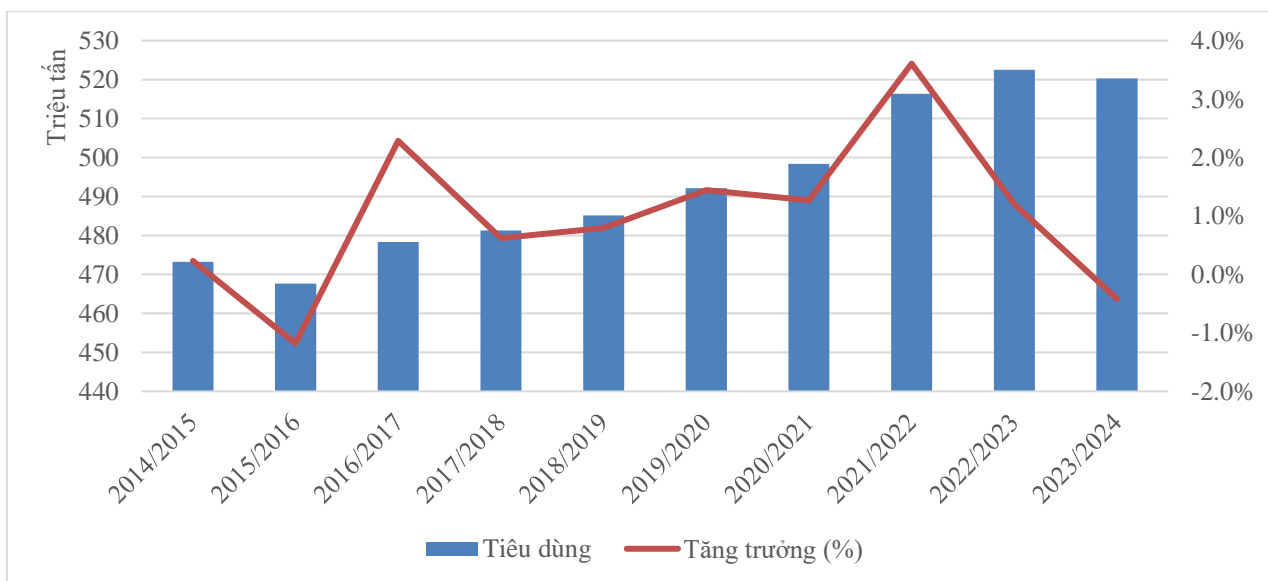


Nguồn: USDA, 2024

### 1.1.2. Tiêu thụ

Theo số liệu thống kê USDA, tiêu thụ gạo trên toàn thế giới vẫn tăng trưởng đều trong vòng 10 năm trở lại đây, với tốc độ tăng trưởng bình quân năm đạt mức 1,0%/năm. Trong niên vụ 2023/2024, tiêu thụ gạo đạt 520,3 triệu tấn, giảm nhẹ 0,4% so với niên vụ 2022/2023 trước đó là 522,5 triệu tấn.

**Hình 3: Tiêu thụ gạo thế giới, 2014/2015 – 2023/2024**



Nguồn: USDA, 2024

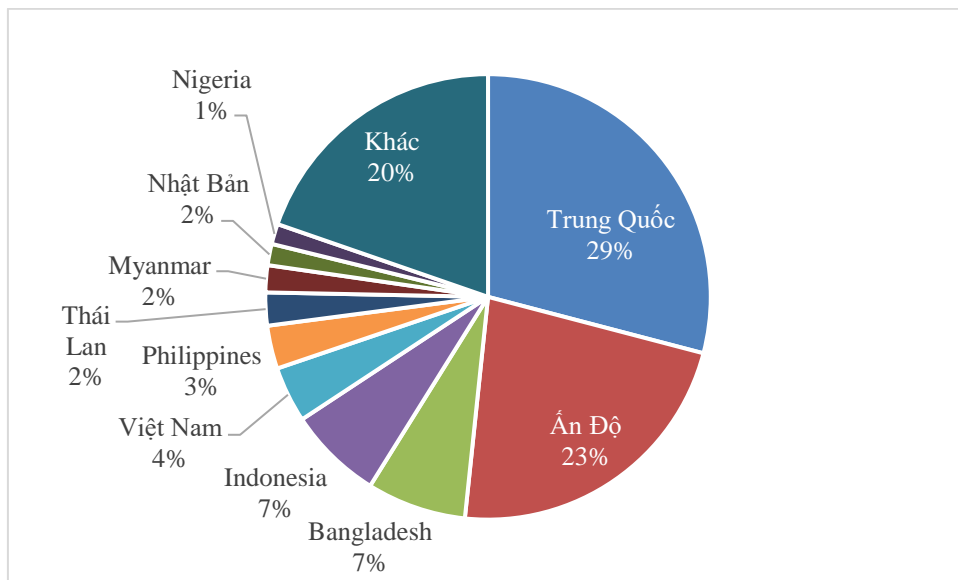




Trong đó, 10 quốc gia tiêu thụ gạo lớn nhất bao gồm: Trung Quốc, Ấn Độ, Bangladesh, Indonesia, Việt Nam, Philippines, Thái Lan, Myanmar, Nhật Bản, và Nigeria. Trong các quốc gia này, Nigeria và Philippines có tốc độ tăng trưởng tiêu thụ gạo cao nhất trong kỳ 2014/2015 – 2023/2024 với tốc độ 2,6%/năm, tiếp đến là Thái Lan và Ấn Độ với mức tăng trưởng lần lượt là 2,1%/năm và 1,7%/năm. Trong khi đó, Indonesia, Nhật Bản và Myanmar giảm tăng trưởng tiêu thụ gạo, lần lượt là 0,7%/năm, 0,5%/năm và 0,3%/năm.

Tổng tiêu thụ gạo của 10 quốc gia này chiếm đến 79,8% tổng tiêu thụ gạo của toàn thế giới, đứng đầu là Trung Quốc với 148,1 triệu tấn (chiếm 28,5% tổng tiêu thụ gạo của thế giới), Ấn Độ với 116,4 triệu tấn (22,4%); tiếp đó, Bangladesh, Indonesia và Việt Nam có lượng tiêu thụ lần lượt là 37,6 triệu tấn (7,2%), 36,0 triệu tấn (6,9%) và 22,3 triệu tấn (4,3%).

**Hình 4: Tỷ lệ sản lượng của 10 quốc gia tiêu thụ nhiều gạo nhất thế giới, 2023/2024**



Nguồn: USDA, 2024

## 1.2. Tình hình sản xuất, tiêu thụ lúa gạo Việt Nam

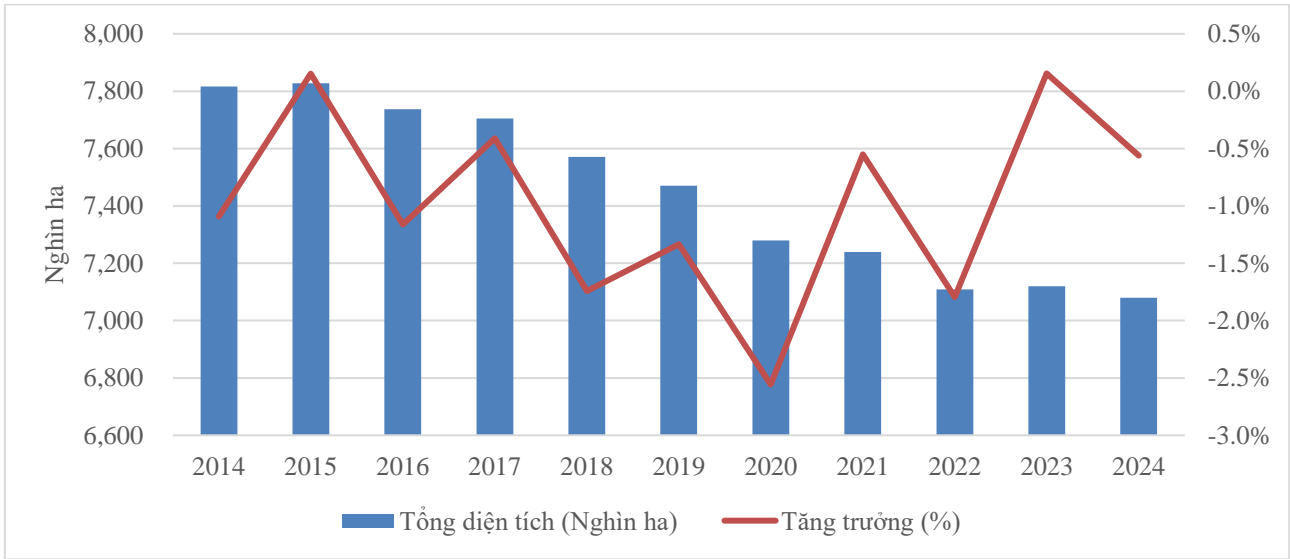
### 1.2.1. Sản xuất

#### Tình hình sản xuất cả năm

Theo Cục Trồng trọt, năm 2024, tổng diện tích trồng lúa cả năm đạt 7,08 triệu ha, giảm 0,6% so với năm 2023.



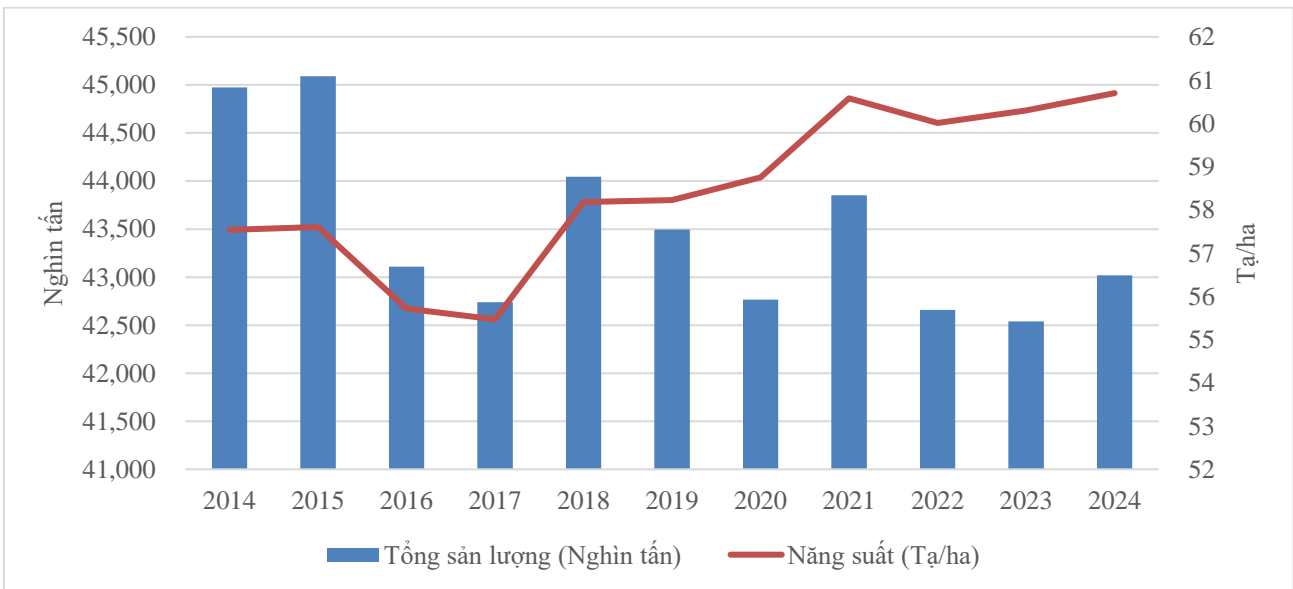
**Hình 5: Tổng diện tích canh tác lúa cả nước trong cả năm, giai đoạn 2014 – 2024**



Nguồn: Tổng cục Thống kê và Cục Trồng trọt, 2024

Năm 2024, sản lượng lúa đạt 43,02 triệu tấn, tăng 1,1% so với năm 2023. Bên cạnh đó, năng suất cũng có xu hướng tăng nhẹ khoảng 0,8%/năm trong 5 năm gần đây, đạt 60,7 tạ/ha vào năm 2024, tăng 0,7% so với năm 2023.

**Hình 6: Năng suất và sản lượng lúa Việt Nam, 2014 – 2024**



Nguồn: Tổng cục Thống kê và Cục Trồng trọt, 2024

### 1.2.2. Tiêu thụ

Theo USDA, tổng lượng gạo tiêu thụ của Việt Nam có xu hướng giảm nhẹ 0,1%/năm trong giai đoạn 2014/2015 – 2023/2024. Niên vụ 2023/2024, cả nước tiêu thụ khoảng 22,3

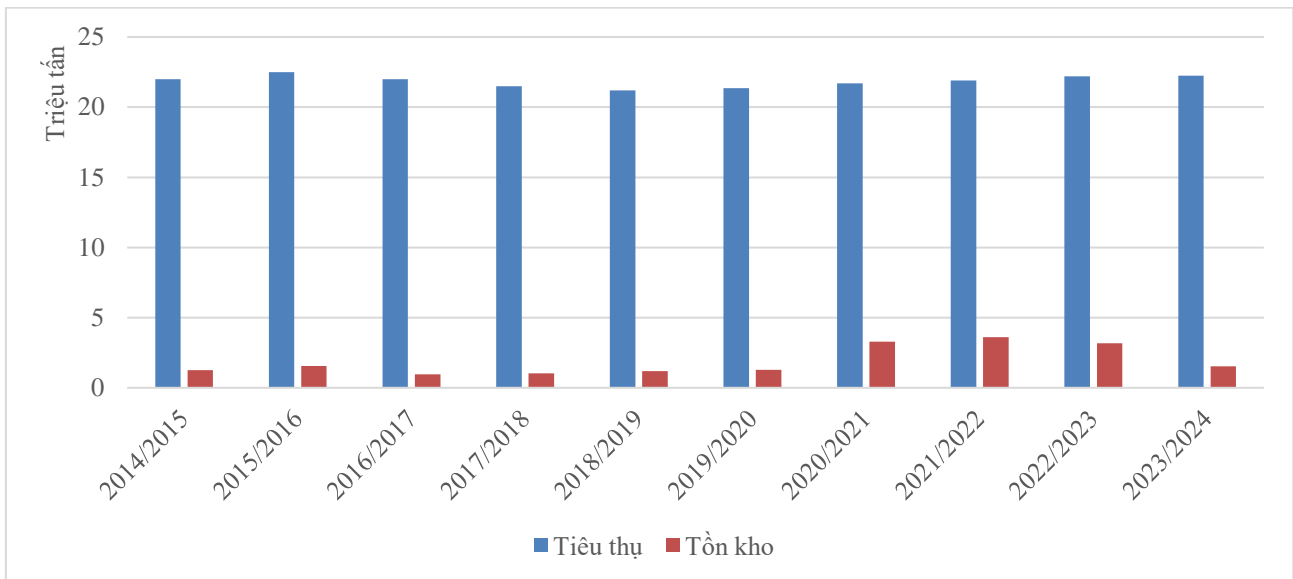




triệu tấn gạo (bao gồm cả ăn, sử dụng trong chăn nuôi và các ngành công nghiệp thực phẩm khác), tăng 0,2% so với niên vụ 2022/2023.

Lượng gạo tồn kho, dự trữ của Việt Nam trong niên vụ 2023/2024 giảm xuống mức 1,5 triệu tấn, giảm 52,1% so với niên vụ 2022/2023. Trong kỳ 2014/2015 – 2023/2024, Việt Nam có xu hướng tăng trưởng dự trữ khoảng 11,5%/năm.

**Hình 7: Tiêu dùng và tồn kho gạo của Việt Nam, 2014/2015 – 2023/2024**



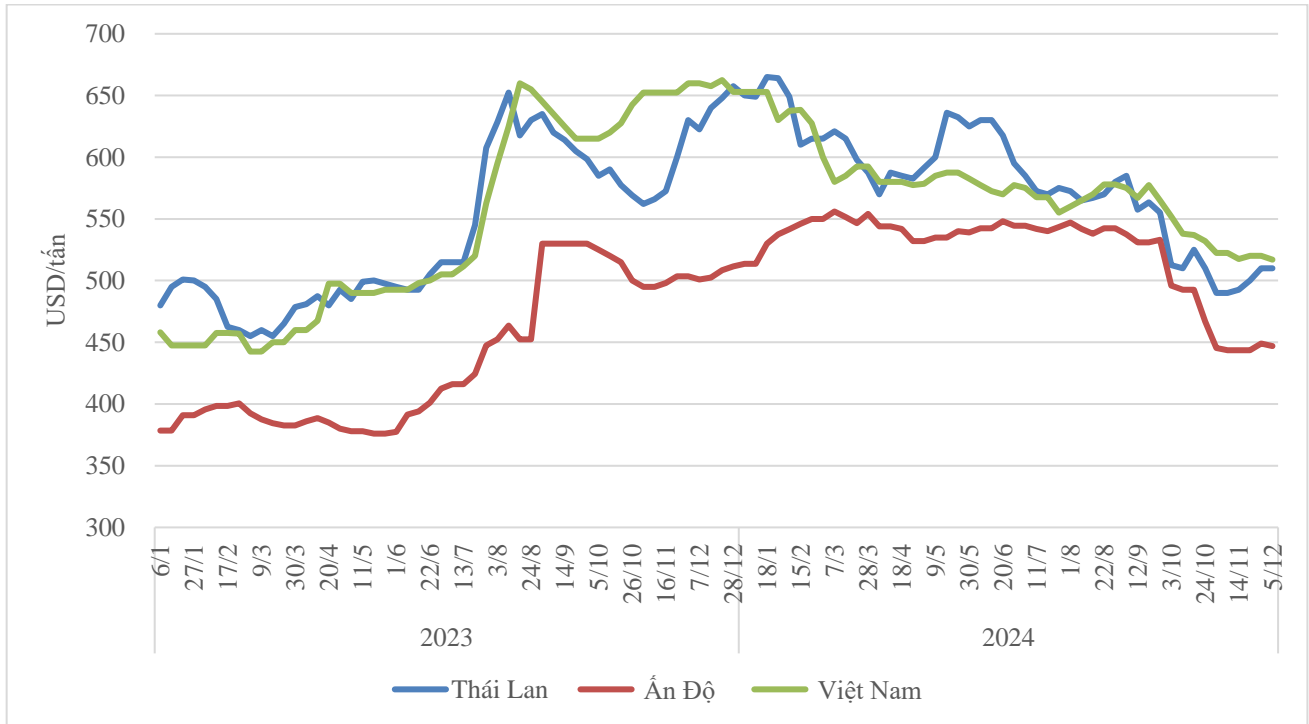
*Nguồn: USDA, 2024*

### 1.3. Diễn biến giá cả lúa gạo thế giới

Theo Reuters, giá gạo thế giới năm 2024 tiếp tục giữ ở mức cao so với năm 2023 ở hầu hết các nguồn sản xuất chính của thế giới, do ngày 20/7/2023, Ấn Độ ban hành lệnh cấm xuất khẩu gạo không phải gạo basmati và nhu cầu gạo gia tăng từ các quốc gia trên thế giới. Tuy nhiên, đến ngày 28/9/2024, Chính phủ Ấn Độ đã đình chỉ lệnh cấm xuất khẩu gạo đối với gạo xay xát không phải gạo basmati, chấm dứt lệnh cấm kéo dài hơn 14 tháng, giá gạo theo đó mới bắt đầu hạ nhiệt. Cụ thể trung bình giá gạo năm 2024, về loại gạo 5%, giá gạo Ấn Độ tăng khoảng 19,3% so với năm 2022, còn Thái Lan tăng 7,1% và Việt Nam tăng 5,4%.



**Hình 8: Giá gạo 5% tấm của Việt Nam, Thái Lan và Ấn Độ theo tuần, 2023 – 2024**



*Nguồn: Reuters*

So sánh mức giá giữa ba quốc gia cho thấy giá gạo của Việt Nam nửa đầu năm 2024 ở mức thấp hơn so với gạo Thái Lan, tuy nhiên từ tháng 9/2024, giá gạo Việt Nam thường xuyên cao hơn giá gạo Thái Lan.



## II. Thương mại lúa gạo

### 2.1. Bối cảnh thương mại gạo thế giới

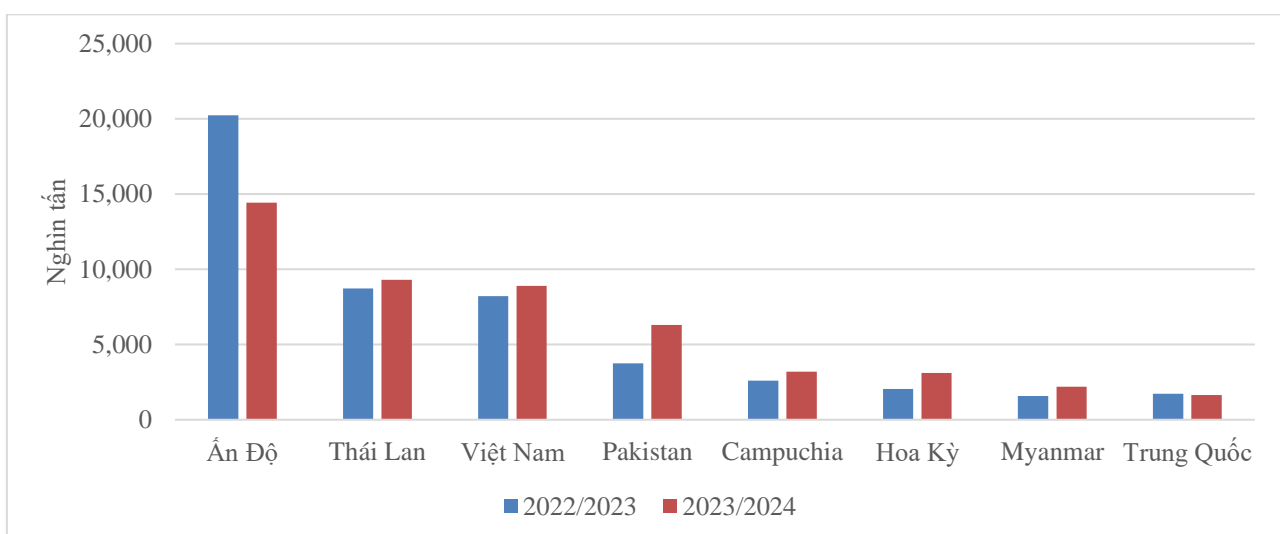
Niên vụ 2023/2024, tổng thương mại gạo thế giới giảm 4,4% so với niên vụ trước. Philippines, Indonesia và Việt Nam là các thị trường nhập khẩu gạo nhiều nhất thế giới trong khi Ấn Độ, Thái Lan, Việt Nam vẫn là ba quốc gia xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới.

#### 2.1.1. Xuất khẩu

Theo USDA, về xuất khẩu gạo trên toàn thế giới, tổng xuất khẩu gạo tăng đều trong giai đoạn 2014/2015 – 2023/2024 với mức tăng trưởng bình quân năm đạt 2,8%/năm. Trong niên vụ 2023/2024, tổng xuất khẩu gạo trên thế giới đạt 54,9 triệu tấn, giảm 4,4% so với niên vụ trước. Các nhà xuất khẩu lớn bao gồm: Ấn Độ, Thái Lan, Việt Nam, Pakistan, Campuchia, Hoa Kỳ, Myanmar và Trung Quốc.

Tổng xuất khẩu gạo của 8 quốc gia đứng đầu này chiếm tới 89,5% tổng xuất khẩu gạo trên toàn thế giới; trong đó, niên vụ 2023/2024, xuất khẩu gạo của Ấn Độ đạt 14,4 triệu tấn (chiếm 26,3% tổng xuất khẩu gạo của thế giới); Thái Lan đạt 9,3 triệu tấn (17,0%), Việt Nam đạt 8,9 triệu tấn (16,2%), Pakistan đạt 6,3 triệu tấn (11,5%), Campuchia đạt 3,2 triệu tấn (5,8%), Hoa Kỳ đạt 3,1 triệu tấn (5,7%), Myanmar đạt 2,2 triệu tấn (4,0%) và Trung Quốc đạt 1,6 triệu tấn (3,0%). So với niên vụ trước, khối lượng xuất khẩu của Ấn Độ và Trung Quốc có xu hướng giảm, trong khi các nước khác đều tăng.

**Hình 9: Khối lượng xuất khẩu của 8 quốc gia xuất khẩu gạo nhiều nhất thế giới, 2022/2023 – 2023/2024**

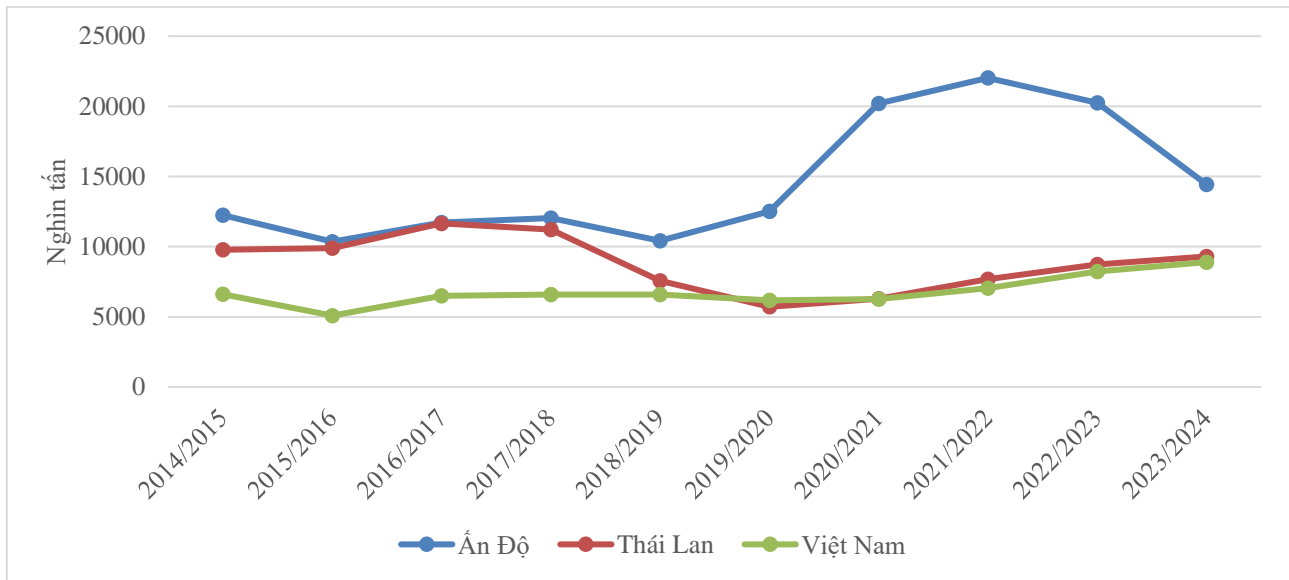


Nguồn: USDA, 2024



Trong ba quốc gia xuất khẩu nhiều gạo nhất thế giới, Ấn Độ có mức tăng trưởng xuất khẩu trong kỳ 2014/2015 – 2023/2024 cao nhất, đạt trung bình 5,6%/năm, tiếp đến là Việt Nam 4,3%/năm, Thái Lan giảm nhẹ 0,03%/năm.

**Hình 10: Xu hướng của 3 quốc gia xuất khẩu nhiều gạo nhất thế giới, 2014/2015 – 2023/2024**



Nguồn: USDA, 2024

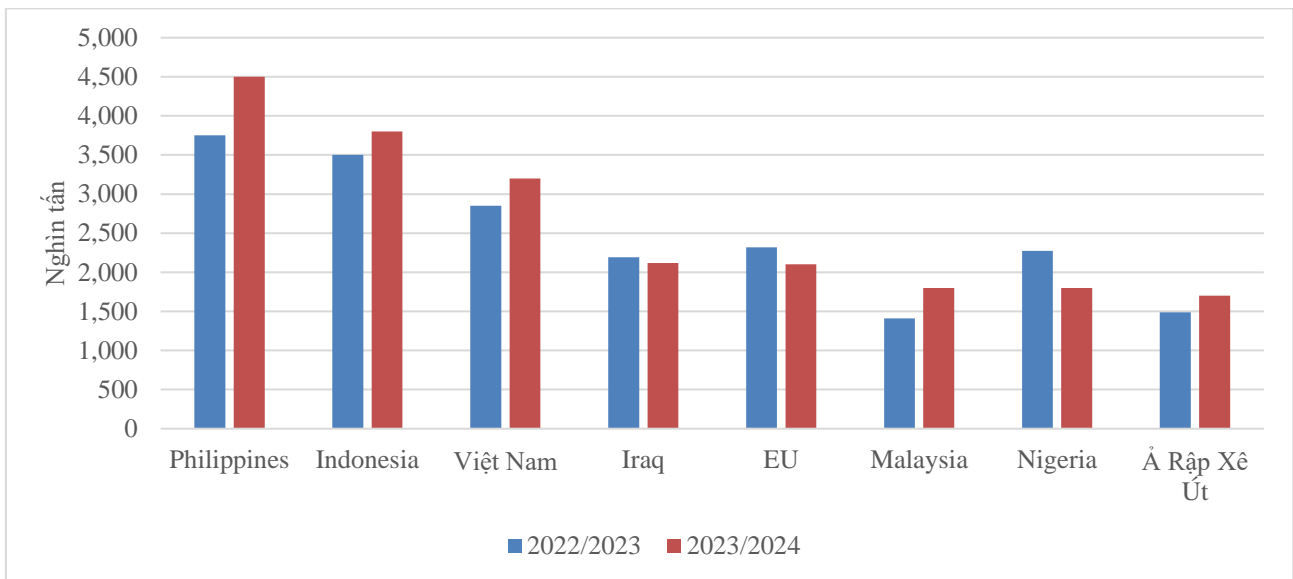
### 2.1.2. Nhập khẩu

Tổng nhập khẩu gạo trên toàn thế giới niên vụ 2023/2024 đạt 51,9 triệu tấn, giảm 8,8% so với niên vụ 2022/2023. Tốc độ tăng trưởng nhập khẩu gạo của thế giới trong vòng 10 năm trở lại đây đạt 3,3%/năm.

Trong niên vụ 2023/2024, Philippines là quốc gia nhập khẩu nhiều gạo nhất thế giới với 4,5 triệu tấn (chiếm 8,7% tổng nhập khẩu gạo của thế giới); tiếp đến Indonesia với 3,8 triệu tấn (6,2%), và Việt Nam với 3,2 triệu tấn (6,2%). Trong Top 8 quốc gia nhập khẩu nhiều gạo nhất thế giới, so với niên vụ 2021/2022, khối lượng nhập khẩu của Philippines, Indonesia, Việt Nam, Malaysia và Ả Rập Xê Út có xu hướng tăng trong khi các quốc gia khác có xu hướng giảm.



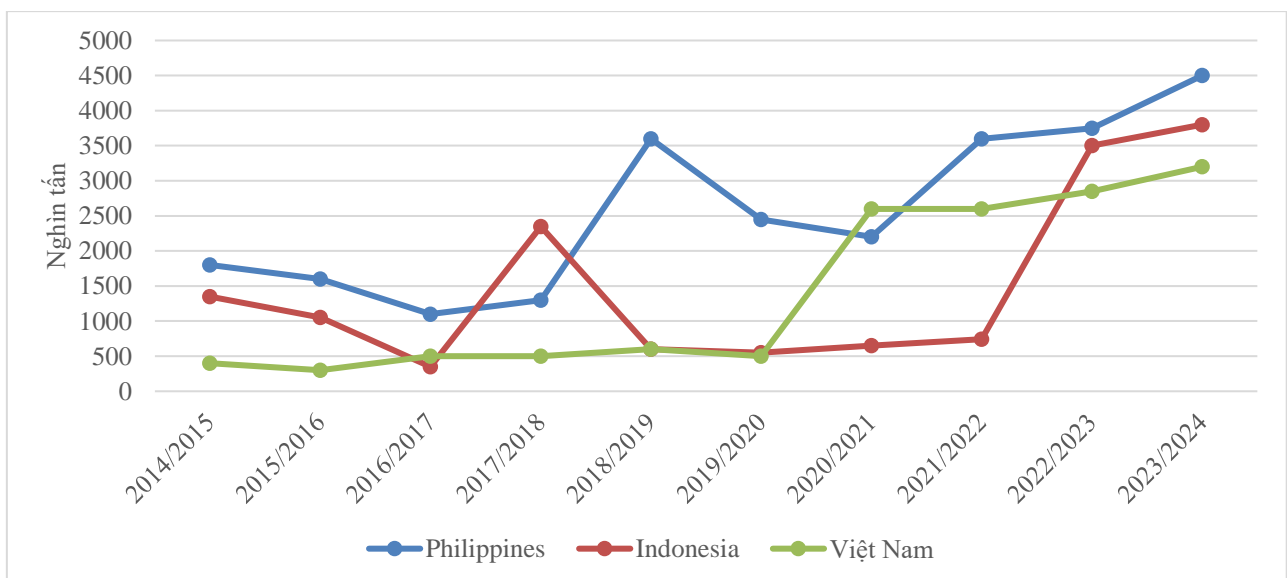
**Hình 11: Khối lượng nhập khẩu của 8 quốc gia nhập khẩu gạo nhiều nhất thế giới, 2022/2023 – 2023/2024**



Nguồn: USDA, 2024

Trong ba thị trường nhập khẩu nhiều gạo nhất thế giới, Indonesia có mức tăng trưởng nhập khẩu trong kỳ 2014/2015 – 2023/2024 cao nhất, đạt trung bình 82,4%/năm. Đứng thứ hai là Việt Nam với tăng trưởng trung bình là 52,0%/năm, còn Philippines đứng thứ ba với tốc độ tăng trưởng trung bình là 24,8%/năm.

**Hình 12: Xu hướng của 3 thị trường nhập khẩu nhiều gạo nhất thế giới, 2014/2015 – 2023/2024**



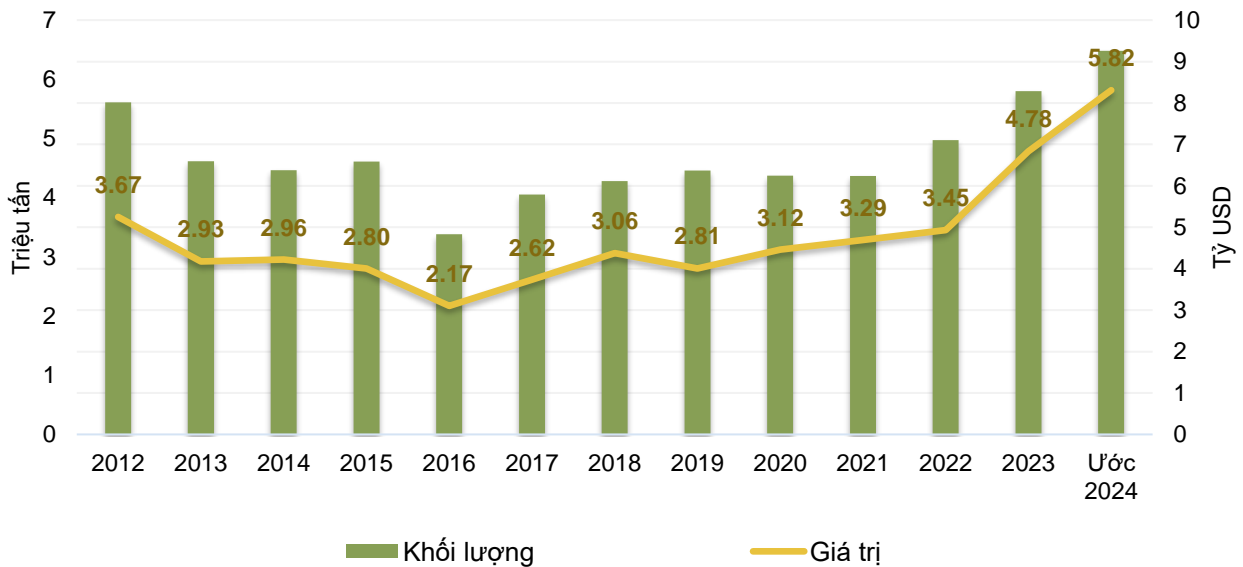
Nguồn: USDA, 2024



## 2.2. Diễn biến xuất khẩu gạo Việt Nam

Việt Nam luôn nằm trong top 3 quốc gia xuất khẩu gạo nhiều nhất thế giới. Với sản lượng lúa hơn 40 triệu tấn hàng năm (quy đổi gạo khoảng 27-28 triệu tấn), Việt Nam có thể mở rộng các hoạt động xuất khẩu gạo mà vẫn đảm bảo đủ tiêu dùng trong nước.

**Hình 13: Lượng và kim ngạch xuất khẩu gạo Việt Nam, 2012 – 2024**



*Nguồn: Tổng cục Hải Quan*

Theo Tổng cục Hải quan, khối lượng xuất khẩu gạo cả năm 2024 đạt 9,3 triệu tấn và 5,8 tỷ USD, tăng 11,3% về khối lượng và 21,2% về giá trị so với năm 2023 (cao hơn mức kỷ lục năm 2012).

Về thị trường xuất khẩu, Philippin đứng vị trí thứ nhất về thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam trong năm 2024 với 46,4% thị phần. Xuất khẩu gạo sang thị trường này trong năm 2024 đạt 2,7 tỷ USD, tăng 53,9% so với cùng kỳ năm 2023. Đứng thứ hai là Indonesia với 12,7% thị phần, đạt 740,3 triệu USD, tăng 15,4% so với cùng kỳ năm 2023. Đứng thứ ba là Malaysia với 7,7% thị phần, đạt 448,1 triệu USD, tăng 119,2% so với cùng kỳ năm 2023.

Về chủng loại xuất khẩu, trong năm 2024, giá trị xuất khẩu gạo trắng chiếm 70,5% tổng kim ngạch, gạo thơm chiếm 19,3%; gạo nếp chiếm 5,7%; gạo Japonica chiếm 4,1%; còn lại là gạo đen và gạo đỏ.



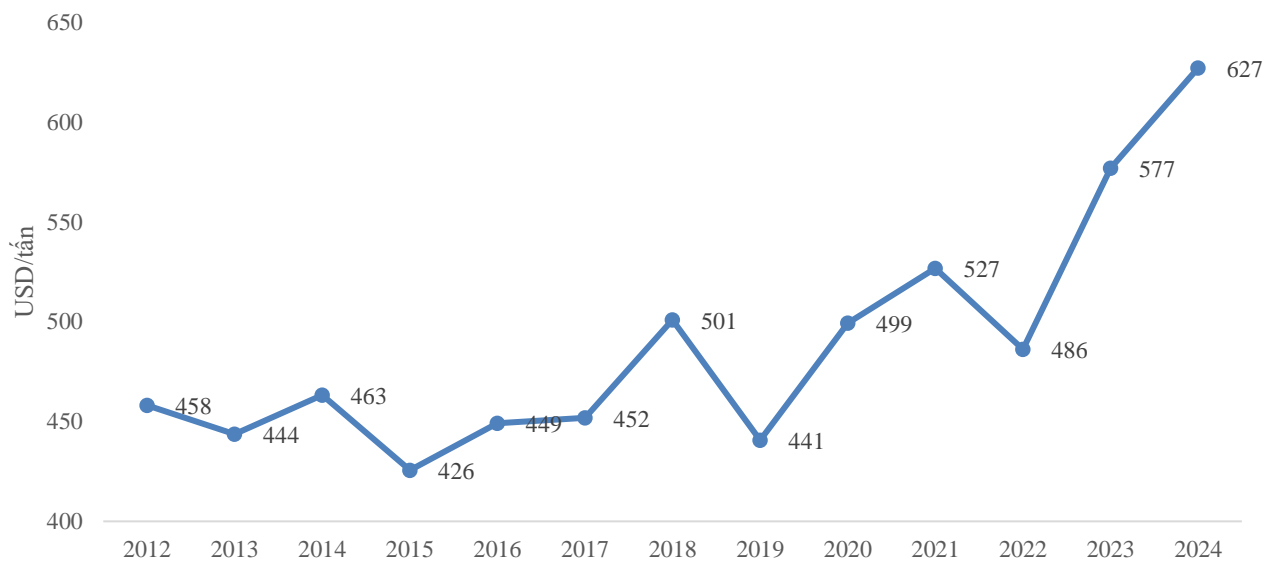


## 2.3. Diễn biến giá cả lúa gạo Việt Nam

### 2.3.1. Diễn biến giá xuất khẩu

Giá gạo xuất khẩu trong kỳ 2013 – 2024, có xu hướng tăng nhẹ trung bình 3,0%/năm. Trong năm 2024, giá gạo xuất khẩu ước đạt 627 USD/tấn, tăng 8,7% so với năm 2023. Nguyên nhân chính của việc giá gạo tăng cao là do Ấn Độ, quốc gia xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới, tiếp tục duy trì lệnh cấm xuất khẩu các loại gạo trắng phi basmati trong năm 2024, khiến nguồn cung trên thị trường quốc tế bị thiếu hụt. Bên cạnh đó, hình thái thời tiết El Nino cũng ảnh hưởng làm giảm sản lượng gạo của các quốc gia nhập khẩu gạo lớn như Indonesia, Philippines.

**Hình 14: Giá gạo xuất khẩu trung bình hàng năm của Việt Nam, 2012 – 2024**



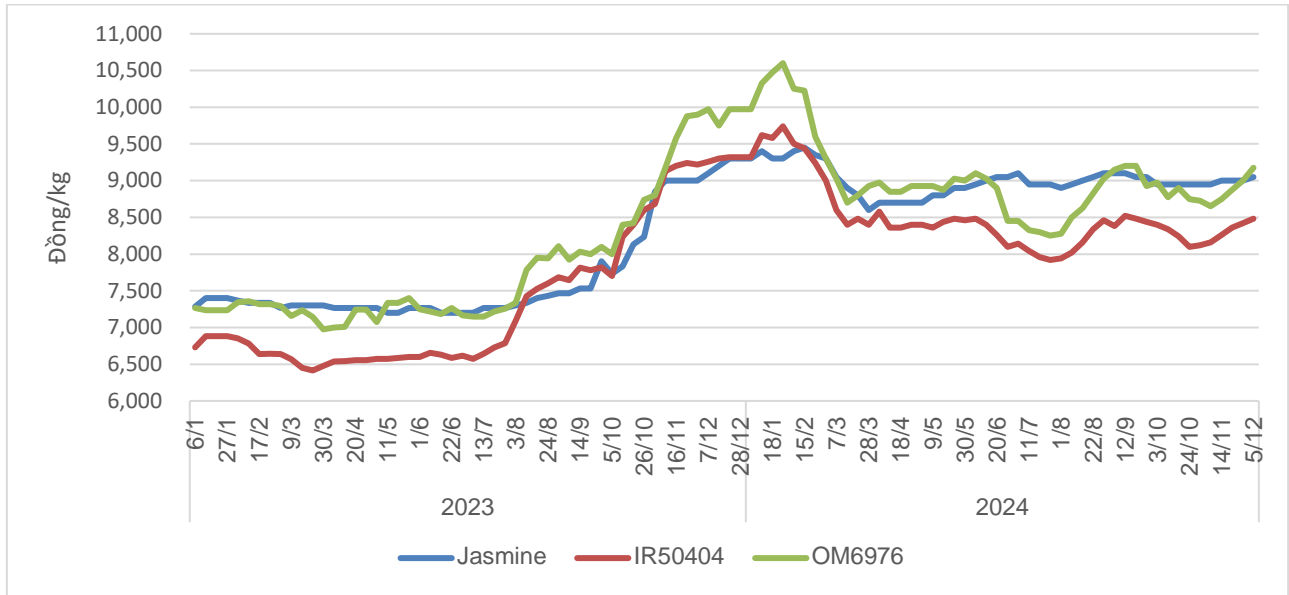
*Nguồn: Tổng cục Hải quan, 2024*

### 2.3.2. Diễn biến giá gạo trong nước

Giá lúa tại ĐBSCL có cùng xu hướng với giá gạo quốc tế, liên tục giữ ở mức cao trong năm 2024 so với 2023. Giá lúa Jasmine tại ĐBSCL trong năm 2024 đạt trung bình 9.002 đồng/kg, tăng 17,2% so với năm 2023. Giá lúa IR50404 đạt khoảng 8.502 đồng/kg, tăng 15,4% so với năm 2023. Giá lúa OM6976 đạt 9.034 đồng/kg, tăng 15,1% so với 2023.



Hình 15: Giá lúa trung bình tại ĐBSCL theo tuần, 2023 – 2024



Nguồn: Cộng tác viên tại ĐBSCL

### 2.4. Doanh nghiệp xuất khẩu gạo

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, năm 2024, Việt Nam có 152 doanh nghiệp xuất khẩu gạo. Top 10 doanh nghiệp xuất khẩu gạo chiếm khoảng 50% kim ngạch xuất khẩu gạo của Việt Nam. Dưới đây là danh sách 20 doanh nghiệp xuất khẩu gạo có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất năm 2024.

STT	DOANH NGHIỆP
1	Công Ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Thành Tín
2	Tổng Công Ty Lương Thực Miền Bắc
3	Công Ty CP Lương Thực Mekong
4	Công Ty Cổ Phần Quốc Tế Gia
5	Tổng Công Ty Lương Thực Miền Nam
6	Công Ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Kiên Giang
7	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Lương Thực Phương Đông
8	Công Ty TNHH Tân Thạnh An



STT	DOANH NGHIỆP
9	Công Ty TNHH Tiến Phát Nông
10	Công Ty TNHH PANORAMAS
11	Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Intimex
12	Công Ty TNHH Dương Vũ
13	Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Tân Long
14	Công Ty CP Tập Đoàn Lộc Trời
15	Công Ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Thuận Minh
16	Công Ty CP Hiệp Lợi
17	Công Ty CP Lương Thực Intimex
18	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Xuất Nhập Khẩu Lương Thực Ngọc Lợi
19	Công Ty Cổ Phần Tân Đồng Tiến
20	Công Ty TNHH Chon Chính



### III. Một số chính sách có tác động đến ngành gạo trong năm 2024

#### 3.1. Quốc tế

##### 3.1.1. Ấn Độ

Ngày 28/9/2024, Chính phủ Ấn Độ đã đình chỉ lệnh cấm xuất khẩu gạo đối với gạo xay xát không phải gạo basmati, chấm dứt lệnh cấm kéo dài hơn 14 tháng. Đồng thời, nước này cũng giảm thuế xuất khẩu gạo lứt và gạo đồ từ 20% xuống còn 10%. Quyết định của Ấn Độ được đưa ra khi sản lượng thu hoạch gạo của nước này trong năm 2024 tăng cao hơn, củng cố kho dự trữ của nhà nước để đáp ứng nhu cầu trong nước và nông dân chuẩn bị thu hoạch vụ mùa mới trong vài tuần tới.

Ngày 23/10/2024, Ấn Độ bỏ áp dụng cơ chế giá sàn xuất khẩu 490 USD/tấn với gạo trắng 5% tấm non-basmati. Trước đó, ngày 28/9/2024, Ấn Độ đã bỏ lệnh cấm xuất khẩu gạo trắng non-basmati nhưng áp dụng cơ chế giá sàn là 490 USD/tấn. Việc bỏ cơ chế giá sàn này đồng nghĩa với việc Ấn Độ tự do hóa hoàn toàn hoạt động thương mại gạo.

##### 3.1.2. Philippines

Tổng thống Philippines Ferdinand R. Marcos, JR., ngày 20 tháng 6 năm 2024, trên cơ sở thẩm quyền được trao theo quy định của pháp luật và căn cứ đề xuất của các cơ quan liên quan, đã ban hành Sắc lệnh số 62, theo đó sẽ cắt giảm thuế nhập khẩu đối với nhiều mặt hàng. Đối với mặt hàng gạo, thuế nhập khẩu từ mức 35% sẽ cắt giảm xuống còn 15%, thời gian áp dụng tới năm 2028. Thời điểm có hiệu lực của Sắc lệnh số 62 là 30 ngày kể từ ngày đăng công báo, đối với thuế nhập khẩu gạo, thời điểm áp dụng là sau 15 ngày kể từ ngày đăng công báo. Như vậy, thời điểm áp dụng mức thuế nhập khẩu gạo mới của Philippines là vào đầu tháng 8 năm 2024.

Đây là động thái của Chính phủ Philippines nhằm đối phó với tình trạng lạm phát, đặc biệt là giá mặt hàng gạo có xu hướng tăng cao liên tục trên thị trường kể từ đầu năm. Trong quý I/2024, tình hình kinh tế Philippines tương đối ổn định, ngoại trừ sự tăng giá của một số mặt hàng tiêu dùng thiết yếu, đặc biệt là mặt hàng gạo, với mức tăng trong quý I/2024 vào khoảng 24,4%. Giá gạo chiếm mức khoảng 9% trong chỉ số giá tiêu dùng (CPI – Consumer Price Index) của Philippines.

##### 3.1.3. Pakistan

Ngày 27/9/2024, Pakistan đã bãi bỏ giá xuất khẩu tối thiểu (MEP) cho tất cả các loại gạo. Pakistan đã áp dụng MEP từ năm 2023, ở mức 1.300 USD/tấn đối với gạo basmati và 550



USD/tấn đối với gạo không phải basmati. Động thái này có thể giúp thúc đẩy xuất khẩu gạo của Pakistan.

#### **3.1.4. Sri Lanka**

Ngày 3/12/2024, Chính phủ Sri Lanka cho biết sẽ cho phép nhập khẩu gạo mà không cần giấy phép kiểm soát nhập khẩu cho đến ngày 20/12/2024, trong bối cảnh giá gạo trong nước tăng cao và thiệt hại mùa màng do mưa lớn. Trước đó, Sri Lanka đã cho phép nhập khẩu 70.000 tấn gạo để đối phó với tình trạng giá tăng cao của loại gạo này. Bên cạnh đó, Chính phủ đã quyết định tạm thời gỡ bỏ các hạn chế hiện có đối với việc nhập khẩu gạo.

#### **3.1.5. Thái Lan**

Ngày 25/11/2024, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp Thái Lan đã công bố kế hoạch hỗ trợ trị giá 38 tỷ baht (1,1 tỷ USD) cho nông dân trồng lúa, nhằm mục đích tăng năng suất. Theo đó, nông dân trồng lúa sẽ nhận được 1.000 baht (29 USD) cho mỗi rai cho tối đa 10 rai (1,6 ha), mang lại lợi ích cho khoảng 4,68 triệu hộ gia đình trên toàn quốc.

### **3.2. Trong nước**

#### **3.2.1. Nghị định quy định chi tiết về đất trồng lúa**

Ngày 11/9/2024, Chính phủ ban hành Nghị định 112/2024/NĐ-CP quy định chi tiết về đất trồng lúa. Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11/9/2024 và thay thế Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ; Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; Điều 13, Điều 14 Nghị định 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt 2018 về giống cây trồng và canh tác.

Theo đó, một số nội dung nổi bật như sau:

- **Quy định về chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa**

Nghị định nêu rõ, việc chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản thì được sử dụng tối đa 20% diện tích đất trồng lúa để hạ thấp mặt bằng nuôi trồng thủy sản với độ sâu không quá 120 cm so với mặt ruộng.

Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định loại cây trồng lâu năm được chuyển đổi, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Đất trồng lúa sau khi chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo quy định tại Nghị định này được thống kê là đất trồng lúa.



- **Quy định về nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa**

UBND cấp tỉnh quy định mức nộp cụ thể nhưng không thấp hơn 50% số tiền được xác định theo diện tích đất chuyên trồng lúa phải chuyển sang mục đích phi nông nghiệp nhân với giá của loại đất trồng lúa tính theo Bảng giá đất tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất.

Việc nộp tiền quy định tại khoản 1 Điều 12 được thực hiện sau khi có quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- **Trình tự, thủ tục nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa**

Người được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trong thời gian 07 ngày kể từ ngày nhận quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, gửi Bản kê khai diện tích đất chuyên trồng lúa đến cơ quan tài nguyên và môi trường cấp huyện hoặc cơ quan tài nguyên và môi trường cấp tỉnh (đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn 2 huyện trở lên) đề nghị xác định diện tích đất chuyên trồng lúa phải nộp tiền.

Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được Bản kê khai hợp lệ, cơ quan tài nguyên và môi trường thẩm định Bản kê khai và ban hành văn bản xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa phải nộp tiền gửi đến cơ quan tài chính cùng cấp để xác định số tiền phải nộp.

Trong thời hạn 05 ngày, cơ quan tài chính cùng cấp căn cứ văn bản xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa của cơ quan tài nguyên và môi trường, bảng giá loại đất trồng lúa tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất do UBND cấp tỉnh quy định, xác định số tiền phải nộp.

Trong thời hạn 30 ngày, người được nhà nước giao đất, cho thuê đất thực hiện trách nhiệm nộp tiền tại cơ quan kho bạc theo thông báo của cơ quan tài chính.

Sau 30 ngày kể từ ngày có văn bản thông báo của cơ quan tài chính; người được nhà nước giao đất, cho thuê đất chưa nộp hoặc nộp chưa đủ số tiền thì phải nộp thêm tiền chậm nộp. Mức tính tiền chậm nộp và thời gian tính tiền chậm nộp được quy định như sau: Mức tính tiền chậm nộp bằng 0,03%/ngày tính trên số tiền phải nộp để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa chậm nộp.

### 3.2.2. Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai

Ngày 4/10/2024, Chính phủ ban hành Nghị định 123/2024/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Nghị định này quy định về hành vi vi phạm hành





chính trong lĩnh vực đất đai (bao gồm: hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc và hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện), hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền lập biên bản, đối tượng bị xử phạt và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai bao gồm vi phạm trong sử dụng đất và vi phạm trong thực hiện dịch vụ về đất đai.

Nghị định quy định cụ thể mức phạt đối với từng trường hợp sử dụng đất trồng lúa sang loại đất khác mà không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép. Cụ thể, hành vi chuyển đất trồng lúa sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp bị phạt tiền từ 2 - 30 triệu đồng; hành vi chuyển đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp (không phải là đất ở) thuộc địa giới hành chính của xã bị phạt từ 3-150 triệu đồng; hành vi chuyển đất trồng lúa sang đất ở thuộc địa giới hành chính của xã bị phạt từ 20-200 triệu đồng tùy theo diện tích đất vi phạm.

Nghị định nêu rõ hành vi chuyển đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp thuộc địa giới hành chính của phường, thị trấn thì hình thức và mức xử phạt bằng 2 lần mức phạt tương ứng với quy định trên.

Hành vi lấn đất hoặc chiếm đất nông nghiệp là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất không thuộc trường hợp mà thuộc địa giới hành chính của xã thì bị phạt từ 5 - 200 triệu đồng.

### ***3.2.3. Chỉ thị về việc đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu lúa, gạo bền vững, minh bạch, hiệu quả trong tình hình mới***

Ngày 2/3/2024, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính vừa ký Chỉ thị số 10/CT-TTg về việc đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu lúa, gạo bền vững, minh bạch, hiệu quả trong tình hình mới.

Để đảm bảo hoạt động sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu lúa gạo lành mạnh, minh bạch, phản ứng linh hoạt, kịp thời trong tình hình thị trường có nhiều biến động, hướng đến phát triển ngành lúa gạo bền vững, hiệu quả cao, nâng cao thu nhập cho người trồng lúa, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng, Thủ trưởng các bộ, cơ quan liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chủ tịch Hiệp hội Lương thực Việt Nam, Chủ tịch, Tổng Giám đốc Tổng công ty Lương thực miền Bắc (VINAFOOD I), Tổng công ty Lương thực miền Nam (VINAFOOD II) và các thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo tiếp tục thực hiện nghiêm Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ, đồng thời, tập trung chỉ đạo, quyết liệt thực hiện một số nhiệm vụ.

### **Các địa phương tổ chức thu hoạch lúa theo đúng thời vụ**



Trong đó, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo các địa phương vùng Đồng bằng sông Cửu Long tổ chức thu hoạch lúa vụ Đông Xuân theo đúng thời vụ, giảm thiểu đến mức thấp nhất tổn thất sau thu hoạch; kịp thời chỉ đạo tổ chức sản xuất vụ Hè Thu; chủ trì, phối hợp với các địa phương, hiệp hội ngành hàng theo dõi sát tình hình, kịp thời cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác về diễn biến thị trường lúa, gạo để người dân, doanh nghiệp có kế hoạch sản xuất, kinh doanh phù hợp, đảm bảo nguồn cung phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, ổn định giá cả thị trường.

Tập trung chỉ đạo triển khai có hiệu quả Đề án "Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030".

Chỉ đạo đẩy nhanh việc xây dựng, nhân rộng các mô hình chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm nhằm đảm bảo hài hòa lợi ích giữa người dân và doanh nghiệp; phối hợp với các Bộ trưởng, Thủ trưởng các bộ, ngành liên quan chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các địa phương triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới; Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025.

Chủ trì, phối hợp với Liên minh Hợp tác xã Việt Nam triển khai các giải pháp nhằm nâng cao năng lực cho các hợp tác xã nông nghiệp trong việc tổ chức sản xuất, cung ứng các dịch vụ đầu vào, tiêu thụ lúa, gạo; đẩy mạnh tập huấn trang bị kiến thức cho nông dân về thị trường, kinh doanh nông nghiệp, chuyển đổi tư duy, áp dụng tiến bộ khoa học trong sản xuất, chế biến, kinh doanh nông nghiệp; hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng vật tư đầu vào phục vụ sản xuất lúa gạo, nhất là giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, máy móc thiết bị.

Phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, các hiệp hội triển khai nghiêm túc, có hiệu quả Công điện số 13/CD-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường kết nối logistics thúc đẩy tiêu thụ, xuất khẩu nông lâm thủy sản.

Phối hợp với Bộ trưởng Bộ Công Thương, Chủ tịch Hiệp hội Lương thực Việt Nam thường xuyên theo dõi sát diễn biến thị trường gạo khu vực và thế giới; đẩy mạnh đàm phán, tháo gỡ các rào cản kỹ thuật để mở rộng thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam.

**Kiểm tra, giám sát, theo dõi sát tình hình thị trường, thương mại gạo thế giới**



Bộ trưởng Bộ Công Thương chủ trì đẩy mạnh triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện "Chiến lược phát triển thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam đến năm 2030" và các nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo tại các Chỉ thị, Công điện về thúc đẩy sản xuất và xuất khẩu gạo; chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan chỉ đạo, kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh xuất khẩu gạo, đảm bảo tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; theo dõi sát tình hình thị trường, thương mại gạo thế giới, động thái của các nước sản xuất, xuất khẩu, kịp thời thông tin đến các bộ, ngành, Hiệp hội Lương thực Việt Nam, thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo để chủ động điều tiết hoạt động sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu gạo, bảo đảm phù hợp, hiệu quả, góp phần bảo đảm an ninh lương thực quốc gia.

Khẩn trương hoàn thiện, trình Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 107/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh xuất khẩu gạo, tạo môi trường kinh doanh công khai, minh bạch, công bằng, thuận lợi và đảm bảo lợi ích chính đáng của người nông dân trồng lúa, giữ uy tín cho mặt hàng gạo của Việt Nam; nghiên cứu tinh giản đầu mối xuất khẩu gạo, đảm bảo cạnh tranh lành mạnh nhưng không quá phân tán, hiệu quả kinh doanh, uy tín của gạo Việt Nam.

Chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Thủ tướng các cơ quan có liên quan đẩy mạnh các hoạt động phát triển thị trường và xúc tiến thương mại, thúc đẩy lưu thông, tiêu thụ mặt hàng gạo; hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng hiệu quả chuỗi cung ứng gạo gắn với dịch vụ logistics ra thị trường quốc tế; nghiên cứu thúc đẩy việc triển khai sàn giao dịch hàng hóa nông sản, trong đó có sàn giao dịch thóc gạo để đảm bảo công khai, minh bạch trong kinh doanh lúa, gạo.

### **Xây dựng thí điểm các mô hình đưa "thương lái" vào chuỗi giá trị ngành hàng lúa, gạo**

Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương nghiên cứu xây dựng thí điểm các mô hình đưa các "thương lái" vào chuỗi giá trị ngành hàng lúa, gạo để vừa phát huy vai trò là cầu nối giữa người dân và doanh nghiệp, vừa hạn chế những rủi ro có thể xảy ra cho các bên tham gia chuỗi giá trị.

Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, xử lý vướng mắc về hoàn thuế VAT theo thẩm quyền và quy định của pháp luật; chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng Bộ Công thương tính toán, có phương án mua dự trữ gạo phù hợp, hiệu quả, đúng quy định.



Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chỉ đạo các ngân hàng thương mại tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận nguồn tín dụng với lãi suất ưu đãi, đáp ứng đủ nhu cầu tín dụng phục vụ thu mua lúa và xuất khẩu gạo, nhất là thu mua lúa hàng hóa vụ Đông Xuân 2023-2024 tại các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Nghiên cứu đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét ban hành Chương trình tín dụng hỗ trợ liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm lúa gạo chất lượng cao và phát thải thấp vùng Đồng bằng sông Cửu Long giữa hợp tác xã với doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật.

### **Triển khai hiệu quả các mô hình chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm lúa, gạo**

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo quyết liệt triển khai có hiệu quả Đề án "Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030"; tổ chức sản xuất lúa, gạo trong từng mùa vụ; chỉ đạo các cơ quan chức năng của địa phương theo dõi, nắm bắt thông tin, diễn biến tình hình thu mua lúa, gạo trên địa bàn để kịp thời có giải pháp xử lý phù hợp và cung cấp cho các bộ, ngành liên quan phục vụ công tác điều hành sản xuất và xuất khẩu gạo của cả nước.

Lồng ghép các chương trình, dự án và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để tổ chức triển khai có hiệu quả các mô hình chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm lúa, gạo trên địa bàn; tổ chức tuyên truyền, tập huấn, thực hiện các giải pháp đa dạng hóa nguồn cung vật tư đầu vào phục vụ sản xuất.

Tổ chức cập nhật, phổ biến thông tin thị trường thường xuyên, định kỳ để người nông dân, doanh nghiệp nhận định đúng tình hình, diễn biến thị trường và đưa ra các quyết định vừa đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh, vừa đảm bảo lợi ích quốc gia.

Chủ tịch Hiệp hội Lương thực Việt Nam tăng cường theo dõi, cập nhật, dự báo, cung cấp thông tin, diễn biến tình hình sản xuất và thị trường lúa, gạo trong nước và thế giới tới các bộ, ngành liên quan và doanh nghiệp; khuyến khích các doanh nghiệp thuộc Hiệp hội tích cực tham gia thực hiện Đề án "Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030" và các mô hình chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ sản phẩm.

Chủ tịch, Tổng Giám đốc Tổng công ty Lương thực miền Bắc, Tổng công ty Lương thực miền Nam và các thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo: thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất và dự trữ lưu thông theo quy định tại Nghị định số 107/2018/NĐ-CP; có giải pháp thúc đẩy phát triển liên kết sản xuất, xây dựng vùng nguyên liệu và triển khai



các giải pháp truy xuất nguồn gốc; chủ động theo dõi tình hình thương mại gạo toàn cầu, động thái của các nước xuất khẩu, nhu cầu tiêu thụ của các nước nhập khẩu, tính toán phương án kinh doanh đảm bảo hài hòa giữa lợi ích quốc gia, doanh nghiệp và người sản xuất; xây dựng kế hoạch cụ thể từng bước nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nắm bắt, khai thác thông tin thị trường, đàm phán, ký kết hợp đồng, xử lý tranh chấp thương mại. Chủ động tham gia Đề án "Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030" và các mô hình chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ sản phẩm.



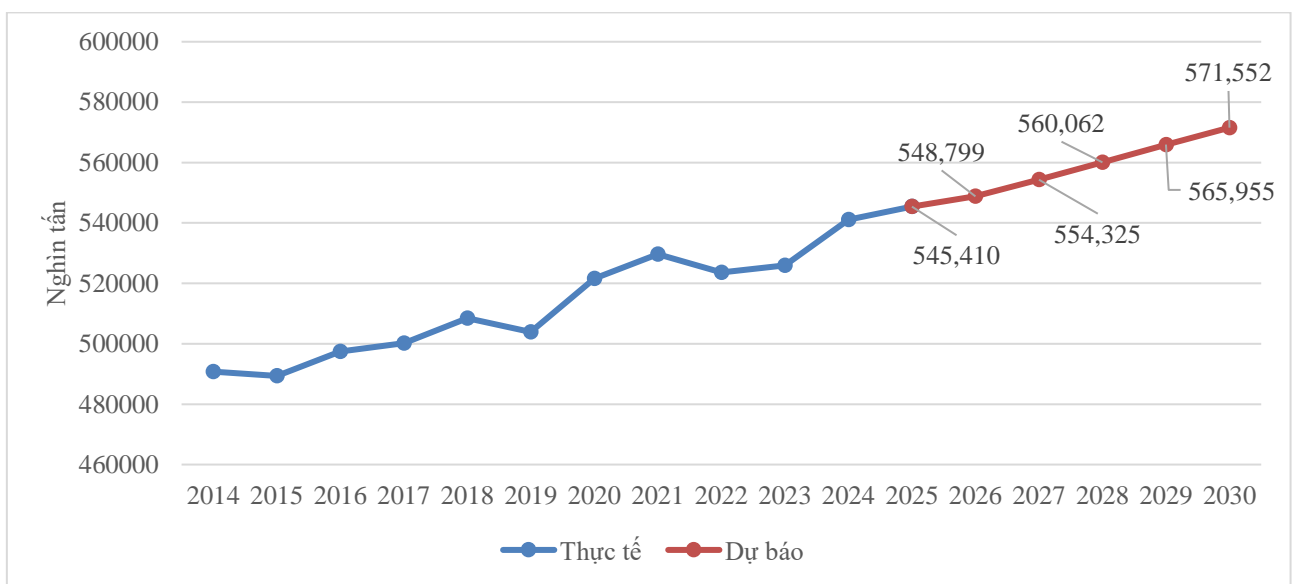
## IV. Triển vọng ngành lúa gạo

### 4.1. Tình hình sản xuất và xuất khẩu của thế giới

a/ Dự báo sản lượng, tiêu thụ gạo toàn cầu năm 2025

Theo OECD, dự báo thế giới sẽ tăng 0,8% sản lượng vào năm 2025, đạt 545,4 triệu tấn so với mức ước tính của tổ chức này là 541,1 triệu tấn vào năm 2024. Xu hướng tăng trưởng này sẽ tiếp tục diễn ra cho đến năm 2030.

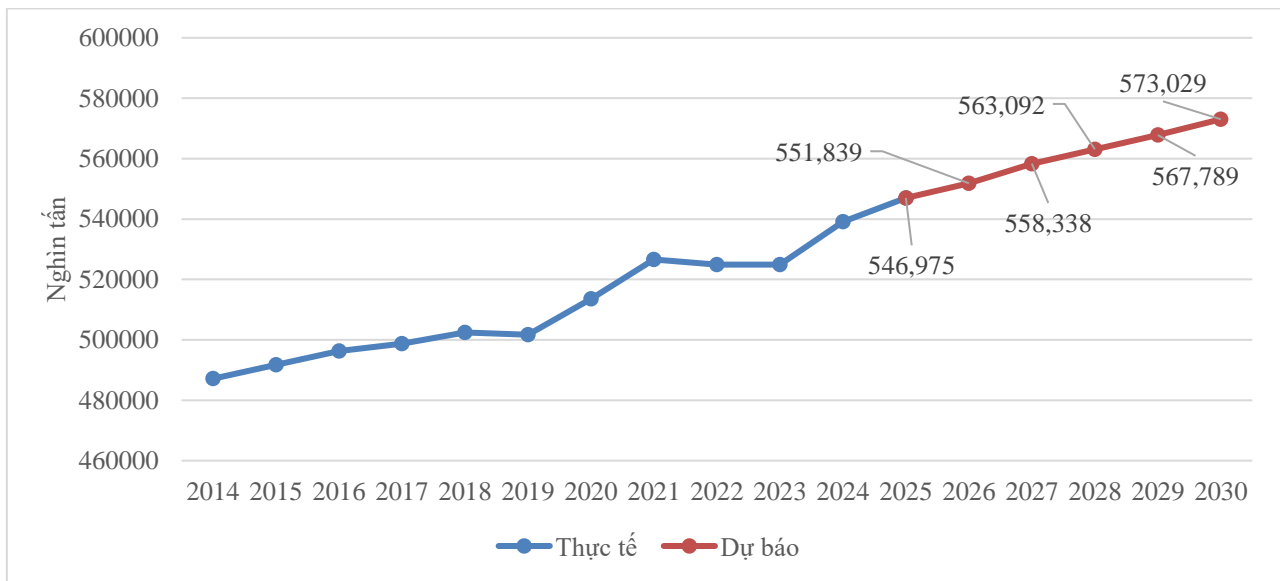
Hình 16: Dự báo sản lượng gạo toàn cầu từ 2014 đến 2030



Nguồn: OECD, 2024

Cũng theo OECD, dự báo thế giới sẽ tăng 1,5% tiêu thụ vào năm 2025, đạt 547,0 triệu tấn so với mức ước tính 539,1 triệu tấn vào năm 2024. Xu hướng tăng trưởng này cũng sẽ tiếp tục diễn ra cho đến năm 2030.



**Hình 17: Dự báo tiêu thụ gạo toàn cầu từ 2014 đến 2030**

Nguồn: OECD, 2024

#### *b/ Xuất khẩu/Nhập khẩu gạo thế giới năm 2025*

Theo USDA, thương mại gạo toàn cầu trong năm 2025 được dự báo đạt kỷ lục 57,2 triệu tấn, cao hơn 0,2 triệu tấn so với năm 2024. Xuất khẩu năm 2025 từ Argentina, Brazil, Ấn Độ, Paraguay, Hoa Kỳ và Uruguay được dự báo tăng mạnh so với năm 2024, bù đắp cho sự giảm xuất khẩu từ Myanmar, Campuchia, Trung Quốc, Ecuador, Pakistan, Đài Loan, Thái Lan, Thổ Nhĩ Kỳ và Việt Nam. Trong đó, Ấn Độ dự kiến sẽ tăng xuất khẩu mạnh nhất, thêm 4,5 triệu tấn, đạt gần kỷ lục 22,0 triệu tấn. Điều này làm giảm đáng kể xuất khẩu từ các nhà cung cấp khác ở châu Á.

Về nhập khẩu, các quốc gia như Bangladesh, Trung Quốc, Ghana, Iran, Kazakhstan, Lào, Madagascar, Mozambique, Nepal, Philippines, Somalia, Nam Phi, Hàn Quốc, Tanzania, Togo, Thổ Nhĩ Kỳ và UAE dự kiến sẽ tăng nhập khẩu đáng kể vào năm 2025, với Bangladesh và Trung Quốc có mức tăng lớn nhất.

## **4.2. Tình hình sản xuất và xuất khẩu của Việt Nam**

#### *a/ Dự báo xu hướng sản xuất*

Theo Cục Trồng trọt, sản xuất lúa năm 2025 sẽ đạt khoảng 7,0-7,03 triệu ha giảm 19 ngàn ha so với năm 2024, với sản lượng khoảng 43,0 triệu tấn, tương đương so với năm 2024.

#### *b/ Dự báo xuất khẩu*



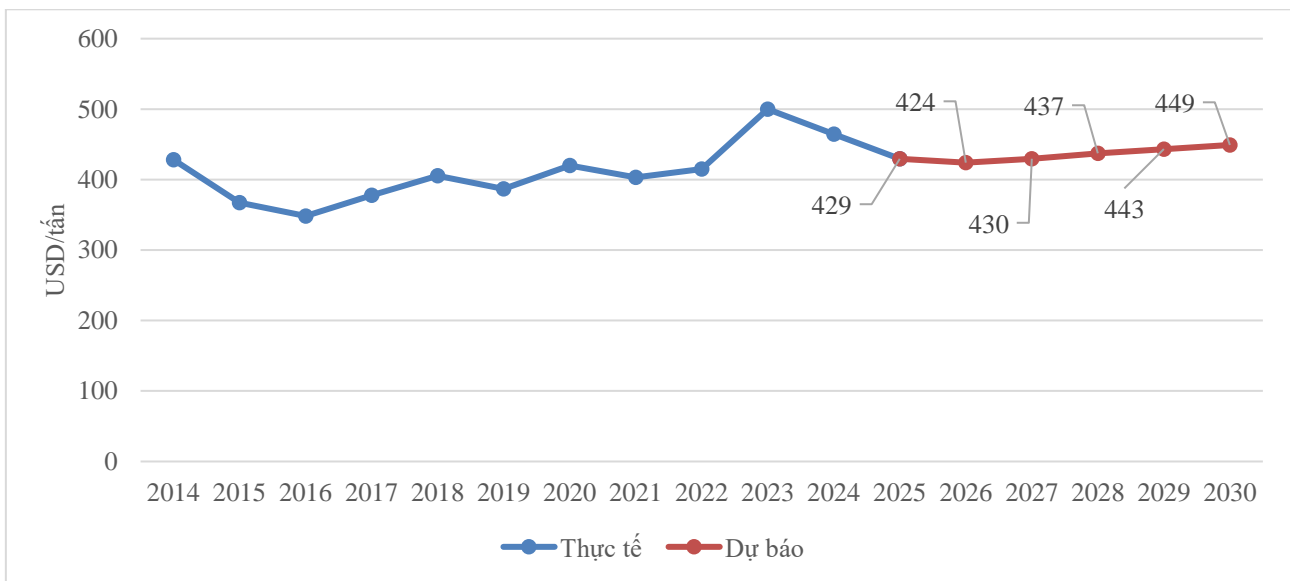
Nhiều dự báo quốc tế cũng như phân tích của các chuyên gia kinh tế, khả năng, xuất khẩu gạo năm 2025 sẽ không còn thuận lợi như năm nay. Bởi nguồn cung xuất khẩu gạo toàn cầu sẽ tăng mạnh, vượt mức 56.300.000 tấn do nhiều quốc gia đang nỗ lực mở rộng sản xuất, tự chủ nguồn cung lương thực; đồng thời nước xuất khẩu gạo lớn Ấn Độ mở cửa cung hàng trở lại. Dù vậy, doanh nghiệp chế biến xuất khẩu gạo Việt Nam vẫn tin tưởng xuất khẩu gạo sẽ còn nhiều dư địa tăng trưởng.

### 4.3. Dự báo tình hình giá gạo năm 2025

#### a/ Thế giới

Theo OECD, giá gạo thế giới năm 2025 sẽ giảm khoảng 7,5% so với năm 2024, cụ thể từ mức 464 USD/tấn xuống mức 429 USD/tấn. Tiếp đó, trong năm 2026, giá gạo thế giới sẽ tiếp tục giảm xuống mức 424 USD/tấn. Tuy nhiên, giá gạo sẽ tăng trở lại trong các năm tiếp theo. Nguyên nhân chính dẫn đến giá gạo giảm có thể là do: Ấn Độ đã dỡ bỏ lệnh cấm xuất khẩu gạo phi basmati khiến nguồn cung gạo thế giới tăng cao.

**Hình 18: Dự báo giá gạo thế giới từ 2014 đến 2030**



Nguồn: OECD, 2024

#### b/ Việt Nam

Dự báo giá gạo Việt Nam năm 2025 sẽ giảm do nguồn cung trên thị trường quốc tế tăng khi Ấn Độ dỡ bỏ lệnh cấm xuất khẩu gạo trắng phi-basmati.

Báo cáo được thực hiện bởi **AGRO@NFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

---

**TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN**

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: [info@agro.gov.vn](mailto:info@agro.gov.vn)

Website: [www.agro.gov.vn](http://www.agro.gov.vn)